



**CÔNG TY CỔ PHẦN
IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000201 ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/10/2013 với số mã số doanh nghiệp là 0400459486.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 18.049.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2015: 18.049.800.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0511. 3841257
- Fax: (84) 0511. 3841258
- Website: www.inhoaphat.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhân, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các loại sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm; Bán buôn vật tư thiết bị ngành in; Bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục; Nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 90 người, trong đó nhân viên gián tiếp là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014 |
| • Ông Phan Quang Thân | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/03/2014 |
| • Bà Đinh Châu Tâm Hạnh | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Hồ Phú Cường | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 04/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Phước Cao Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/03/2014 |
| • Ông Bùi Văn Hiệp | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/03/2014 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 07/06/2014 |
| • Ông Nguyễn Như Việt | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014 |
| • Bà Đinh Châu Tâm Hạnh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

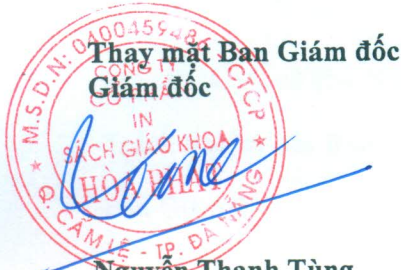
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

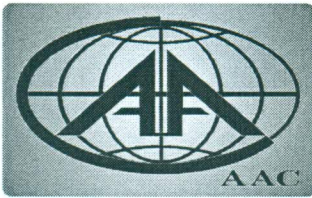
Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 358/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách giáo Khoa Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 9/3/2016, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Phan

Lê Vĩnh Hà – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1216-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.447.549.727	12.396.705.662
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.619.975.892	1.356.374.881
1. Tiền	111		219.975.892	356.374.881
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.400.000.000	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.860.274.262	9.073.178.871
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7a	2.713.352.310	3.073.236.224
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	65.000.000	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9a	10.076.183.229	5.920.098.276
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	50.594.805	122.226.871
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(44.856.082)	(42.382.500)
IV. Hàng tồn kho	140	12	967.299.573	930.533.458
1. Hàng tồn kho	141		967.299.573	930.533.458
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	36.618.452
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.996.821
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	33.621.631
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.366.310.840	9.948.659.996
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	4.156.084.953
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9b	-	4.156.084.953
II. Tài sản cố định	220		4.634.310.352	5.260.968.998
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.025.170.352	4.651.828.998
- Nguyên giá	222		24.949.304.415	24.989.221.514
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.924.134.063)	(20.337.392.516)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	609.140.000	609.140.000
- Nguyên giá	228		609.140.000	609.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6b	715.816.290	521.666.080
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		756.363.143	566.912.600
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(40.546.853)	(45.246.520)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.184.198	9.939.965
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	16.184.198	9.939.965
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.813.860.567	22.345.365.658

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.563.644.695	1.921.323.983
I. Nợ ngắn hạn	310		1.563.644.695	1.921.323.983
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16a	574.266.684	516.458.116
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		213.827	10.422.344
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	162.254.194	119.097.397
4. Phải trả người lao động	314		661.831.279	816.740.126
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	165.078.711	458.569.671
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	36.329
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.250.215.872	20.424.041.675
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	20.250.215.872	20.424.041.675
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	18.049.800.000	18.049.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.049.800.000	18.049.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(60.093.500)	(60.093.500)
3. Cổ phiếu quỹ	415	19	(914.353.746)	(914.353.746)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	1.914.347.993	1.914.347.993
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	1.260.515.125	1.434.340.928
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		117.876.928	5.044.218
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.142.638.197	1.429.296.710
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.813.860.567	22.345.365.658



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 9 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đỉnh Thạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	14.330.907.838	13.945.327.364
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	20	14.330.907.838	13.945.327.364
4. Giá vốn hàng bán	11	21	11.820.295.727	11.483.963.525
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		2.510.612.111	2.461.363.839
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.159.678.622	1.431.932.915
7. Chi phí tài chính	22	23	(4.694.987)	15.372.028
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	2.490.908
8. Chi phí bán hàng	25	24a	34.720.488	69.209.772
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24b	2.479.070.115	2.126.609.693
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.161.195.117	1.682.105.261
11. Thu nhập khác	31	25	398.825.027	223.934.425
12. Chi phí khác	32	26	108.634.878	111.297.295
13. Lợi nhuận khác	40		290.190.149	112.637.130
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.451.385.266	1.794.742.391
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	308.747.069	365.445.681
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.142.638.197	1.429.296.710
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	694	869
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	694	869



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 9 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Dĩnh Thạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		14.680.583.235	14.459.789.033
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(8.041.864.754)	(5.847.732.517)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.593.995.885)	(5.715.415.982)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	23	-	(2.490.908)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(254.797.197)	(425.180.036)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.281.452.907	491.964.258
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.743.715.131)	(2.308.066.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		327.663.175	652.867.848
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13	(190.909.091)	(673.200.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	25	54.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	1.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	6b	(191.013.643)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6b	2.600.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7a, 10,22	1.575.583.115	1.054.979.181
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.250.805.836	1.381.779.181
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	429.056.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(429.056.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18, 19d	(1.314.868.000)	(821.412.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.314.868.000)	(821.412.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		263.601.011	1.213.234.529
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	1.356.374.881	143.140.352
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	1.619.975.892	1.356.374.881



Nguyễn Thanh Tùng
Đà Nẵng, ngày 9 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Đình Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000201 ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/10/2013 với mã số doanh nghiệp là 0400459486.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In ấn sách và ấn phẩm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhân, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các loại sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm; Bán buôn vật tư thiết bị ngành in; Bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục; Nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 34) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Việc lập dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải	10

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không thực hiện khấu hao.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính phát sinh tại Công ty là hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động in ấn, cắt rọc;
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20% do đáp ứng điều kiện là tổng doanh thu của năm 2014 không quá 20 tỷ đồng theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	29.797.637	40.105.383
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	190.178.255	316.269.498
Tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	1.400.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.619.975.892	1.356.374.881

6. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tiền gửi số 01/06/256907/HĐTĐ ngày 08/06/2012 với số tiền: 500.000.000 đồng, kỳ hạn gửi là 12 tháng, vào ngày đến hạn thì toàn bộ số tiền gửi sẽ được chuyển sang một kỳ hạn mới tương ứng với lãi suất hiện hành đến hạn. Đến ngày 08/06/2015, Công ty không rút số vốn trên nên toàn bộ số tiền gửi đã được chuyển sang kỳ hạn mới với lãi suất 6%/năm.
- Hợp đồng tiền gửi số 04/06/256907/HĐTĐ ngày 10/06/2014 với số tiền: 500.000.000 đồng, kỳ hạn gửi là 6 tháng, lãi suất tiền gửi là 5,7%/năm. Đến ngày 10/12/2015, Công ty không rút số vốn trên nên toàn bộ số tiền gửi đã được chuyển sang kỳ hạn mới với lãi suất 5,3%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015				01/01/2015			
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Công ty CP Sách - TBTH TP. HCM (STC) (i)	23.900	373.588.900	-	554.480.000	24.000	375.152.000	-	375.152.000
- Công ty CP Sách giáo dục tại TP Hà Nội (EBS) (i)	308	7.414.800	4.920.000	2.494.800	308	7.414.800	4.704.400	2.710.400
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng (DAD) (i)	5.700	117.553.675	20.653.675	96.900.000	4.200	94.345.800	27.985.800	66.360.000
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội (EID) (i)	3.700	45.986.888	-	51.800.000	-	-	-	-
- Công ty CP Sách - TBTH Quảng Ngãi (ii)	6.000	60.000.000	9.954.298	-	6.000	60.000.000	12.556.320	-
- Công ty CP Sách - TBGD Miền Trung (iii)	3.000	30.000.000	-	-	3.000	30.000.000	-	-
- Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng (DAE) (i)	8.000	121.818.880	5.018.880	116.800.000	-	-	-	-
Cộng		756.363.143	40.546.853			566.912.600	45.246.520	

- (i) Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là chênh lệch giữa giá gốc và giá đóng cửa của các cổ phiếu này tại phiên cuối cùng của năm 2015 với số lượng các cổ phiếu Công ty đang nắm giữ.
- (ii) Dự phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị trường học Quảng Ngãi xác định dựa trên tỷ lệ tổn thất vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2015 của Công ty nhận đầu tư và vốn đầu tư của Công ty vào Công ty này.
- (iii) Cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 31/12/2015. Do đó, giá trị của cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng. Công ty cũng không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

a) Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	236.592.028	624.086.446
NXB Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	1.700.764.780	1.814.835.928
Công ty CP Đầu tư và PTGD tại Đà Nẵng	315.877.345	287.379.551
Các đối tượng khác	460.118.157	346.934.299
Cộng	2.713.352.310	3.073.236.224

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH MTV NXBGD VN (lãi cho vay)	236.592.028	624.086.446
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	1.700.764.780	1.814.835.928
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	315.877.345	287.379.551
Cộng	2.253.234.153	2.726.301.925

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Cơ khí ngành in	65.000.000	-
Cộng	65.000.000	-

9. Phải thu về cho vay

a) Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	10.076.183.229	5.920.098.276
Cộng	10.076.183.229	5.920.098.276

Cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo nhiều hợp đồng và phụ lục hợp đồng khác nhau. Thời hạn cho vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay: thỏa thuận. Vào ngày đến hạn thì số tiền cho vay có thể được chuyển sang một kỳ hạn mới tương ứng với lãi suất thỏa thuận của 2 bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***b) Dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	4.156.084.953
Cộng	-	4.156.084.953

Cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay với thời hạn 36 tháng, lãi suất cho vay là 11%. Các khoản vay này đã đến hạn trong năm 2015, một số khoản nợ vay được chuyển sang cho vay ngắn hạn theo thỏa thuận của 2 bên.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	20.743.056	-
Phải thu về cổ phần hóa	1.200.000	-	1.400.000	-
Cổ tức phải thu	-	-	37.500.000	-
Tạm ứng	21.573.150	-	12.992.200	-
Phải thu khác	27.821.655	-	49.591.615	-
Cộng	50.594.805	-	122.226.871	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 3 năm trở lên	42.382.500	42.382.500
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.473.582	-
Cộng	44.856.082	42.382.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	786.867.905	-	750.791.697	-
Chi phí SX, KD dở dang	113.178.939	-	142.719.257	-
Hàng hóa	67.252.729	-	37.022.504	-
Cộng	967.299.573	-	930.533.458	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2015.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng/khó/chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2015.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.704.591.937	18.151.652.083	1.132.977.494	24.989.221.514
Mua sắm trong năm	-	190.909.091	-	190.909.091
T/lý, nhượng bán	-	230.826.190	-	230.826.190
Số cuối năm	5.704.591.937	18.111.734.984	1.132.977.494	24.949.304.415
Khấu hao				
Số đầu năm	3.678.812.968	16.143.165.690	515.413.858	20.337.392.516
Khấu hao trong năm	350.352.645	405.458.728	61.756.364	817.567.737
T/lý, nhượng bán	-	230.826.190	-	230.826.190
Số cuối năm	4.029.165.613	16.317.798.228	577.170.222	20.924.134.063
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.025.778.969	2.008.486.393	617.563.636	4.651.828.998
Số cuối năm	1.675.426.324	1.793.936.756	555.807.272	4.025.170.352

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 12.759.890.011 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình dùng cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	609.140.000	609.140.000
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	609.140.000	609.140.000
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	609.140.000	609.140.000
Số cuối năm	609.140.000	609.140.000

(*) Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 157 Tôn Đức Thắng, Thành phố Đà Nẵng, được sử dụng làm văn phòng Công ty.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	16.184.198	9.939.965
Cộng	16.184.198	9.939.965

16. Phải trả người bán**a) Ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Đầu tư và PTGD Đà Nẵng	43.633.200	17.637.450
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	-	10.261.668
Công ty CP In và Vật tư Sài Gòn	152.086.000	160.627.500
Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật Thành Thái	166.100.000	89.100.000
Công ty TNHH Cơ khí Hoàng Hà	86.074.924	86.074.924
Các đối tượng khác	126.372.560	152.756.574
Cộng	574.266.684	516.458.116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Đầu tư và PTGD Đà Nẵng	43.633.200	17.637.450
Cộng	43.633.200	17.637.450

17. Thuế và các khoản nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	119.097.397	794.002.272	784.844.131	128.255.538
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.040.644)	308.747.069	254.797.197	32.909.228
Thuế thu nhập cá nhân	(12.580.987)	57.111.014	43.440.599	1.089.428
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	85.475.766	1.162.860.355	1.086.081.927	162.254.194

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	38.228.173	18.283.363
Phải trả về cổ phần hóa	-	1.400.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.655.500	9.059.500
Phải trả khác	116.195.038	429.826.808
+ BQL đền bù đường Nguyễn Công Hoan	-	363.500.000
+ Các khoản khác	116.195.038	66.326.808
Cộng	165.078.711	458.569.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	938.365.170	975.982.823	827.834.218
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.429.296.710
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	822.790.000
Số dư tại 31/12/2014	<u>18.049.800.000</u>	<u>(60.093.500)</u>	<u>(914.353.746)</u>	<u>938.365.170</u>	<u>975.982.823</u>	<u>1.434.340.928</u>
Chuyển số dư (*)	-	-	-	(938.365.170)	938.365.170	-
Số dư tại 01/01/2015	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	938.365.170	975.982.823	1.434.340.928
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.142.638.197
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	1.316.464.000
Số dư tại 31/12/2015	<u>18.049.800.000</u>	<u>(60.093.500)</u>	<u>(914.353.746)</u>	<u>-</u>	<u>1.914.347.993</u>	<u>1.260.515.125</u>

(*) Số dư Quỹ dự phòng tài chính năm trước đã được chuyển sang Quỹ đầu tư phát triển theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
Vốn góp của Cty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục VN	3.816.000.000	3.816.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	12.639.800.000	12.639.800.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	1.594.000.000	1.594.000.000
Cộng	<u>18.049.800.000</u>	<u>18.049.800.000</u>

c. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu phổ thông	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	159.400	159.400
- Cổ phiếu phổ thông	159.400	159.400
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu phổ thông	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.434.340.928	827.834.218
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.142.638.197	1.429.296.710
Phân phối lợi nhuận	1.316.464.000	822.790.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.316.464.000	822.790.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	1.316.464.000	822.790.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	1.260.515.125	1.434.340.928

e. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 15/03/2015 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2014 bằng tiền với tỷ lệ 8%/vốn điều lệ. Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức này trong năm 2015.

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu in ấn, cắt rọc	11.100.840.992	11.639.689.253
Doanh thu hoạt động khác	3.230.066.846	2.305.638.111
Cộng	14.330.907.838	13.945.327.364

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn in ấn, cắt rọc	9.482.624.955	9.530.780.677
Giá vốn hoạt động khác	2.337.670.772	1.953.182.848
Cộng	11.820.295.727	11.483.963.525

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.119.660.841	1.348.108.183
Lãi bán các khoản đầu tư	1.036.900	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.184.800	80.886.400
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	28.796.081	2.938.332
Cộng	1.159.678.622	1.431.932.915

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	-	2.490.908
Dự phòng tổn thất đầu tư	(4.699.667)	12.881.120
Chi phí tài chính khác	4.680	-
Cộng	(4.694.987)	15.372.028

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí vận chuyển sách	22.568.359	45.070.573
Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	454.545	17.607.746
Các khoản khác	11.697.584	6.531.453
Cộng	34.720.488	69.209.772

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân viên quản lý	1.493.816.250	1.473.481.624
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	265.242.397	150.944.770
Chi phí trợ cấp thôi việc	191.075.625	42.120.750
Khấu hao tài sản cố định	73.538.443	52.167.612
Các khoản khác	455.397.400	407.894.937
Cộng	2.479.070.115	2.126.609.693

25. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	54.545.455	-
Thu nhập từ bán phế liệu	54.439.916	35.362.597
Thu nhập từ giấy tiết kiệm in	63.330.159	188.571.828
Thu nhập từ đền bù giải tỏa đường Nguyễn Công Hoan	202.902.431	-
Thu nhập khác	23.607.066	-
Cộng	398.825.027	223.934.425

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí quản lý niêm yết, chốt danh sách cổ đông	18.563.686	18.206.841
Chi tổng kết cuối năm	24.600.000	-
Phụ cấp HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	42.495.000	53.670.000
Các khoản khác	22.976.192	39.420.454
Cộng	108.634.878	111.297.295

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.451.385.266	1.794.742.391
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	92.350.078	32.486.015
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	102.534.878	113.372.415
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	10.184.800	80.886.400
Tổng thu nhập chịu thuế	1.543.735.344	1.827.228.406
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	308.747.069	365.445.681
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	308.747.069	365.445.681
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

28. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.142.638.197	1.429.296.710
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.142.638.197	1.429.296.710
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.645.580	1.645.580
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	694	869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***29. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.920.120.858	2.351.687.063
Chi phí nhân công	6.512.090.474	6.844.346.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	817.567.737	1.030.477.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.354.406.291	1.487.782.820
Chi phí khác bằng tiền	674.015.306	297.737.767
Cộng	12.278.200.666	12.012.031.598

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là in ấn sách giáo khoa và một bộ phận địa lý chính là Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

31. Quản lý rủi ro**a) Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch, số dư ngoại tệ và vay nợ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt, do đó Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	574.266.684	-	574.266.684
Phải trả khác	126.850.538	-	126.850.538
Cộng	701.117.222	-	701.117.222
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	516.458.116	-	516.458.116
Phải trả khác	440.286.308	-	440.286.308
Cộng	956.744.424	-	956.744.424

Công ty không có rủi ro trong thanh khoản, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.619.975.892	-	1.619.975.892
Đầu tư tài chính	1.000.000.000	715.816.290	1.715.816.290
Phải thu khách hàng	2.668.496.228	-	2.668.496.228
Phải thu về cho vay	10.076.183.229	-	10.076.183.229
Phải thu khác	29.021.655	-	29.021.655
Cộng	15.393.677.004	715.816.290	16.109.493.294
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.356.374.881	-	1.356.374.881
Đầu tư tài chính	1.000.000.000	521.666.080	1.521.666.080
Phải thu khách hàng	3.030.853.724	-	3.030.853.724
Phải thu về cho vay	5.920.098.276	4.156.084.953	10.076.183.229
Phải thu khác	109.234.671	-	109.234.671
Cộng	11.416.561.552	4.677.751.033	16.094.312.585

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2015	Năm 2014
Mua hàng			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	Sách giáo khoa	1.301.360.553	658.761.630
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Sách giáo khoa	701.475.300	378.979.900
Bán hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Tiền công in	7.983.502.841	9.552.770.750
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	369.932.087	495.680.172
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	Tiền công in	2.438.954.743	1.883.705.912
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Tiền công in	284.142.221	273.609.410
Cho vay, thu hồi nợ vay			
Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	Thu hồi tiền cho vay ngắn	-	200.000.000
	Lãi cho vay	997.488.654	1.185.684.845

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2015	Năm 2014
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	532.654.754	529.917.603
Thù lao của Hội đồng quản trị	66.660.000	81.030.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2015 (Trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn khác	109.234.671	122.226.871
Tài sản ngắn hạn khác	12.992.200	-
Quỹ đầu tư phát triển	975.982.823	1.914.347.993
Quỹ dự phòng tài chính	938.365.170	-



Giám đốc
Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 9 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Dĩnh Thạnh

